

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 9 năm 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Tin  
2. Ông Đào Xuân Thịnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Mông Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Ngọc Nương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị M, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2024, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình T kết hôn ngày 09/10/2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Khi kết hôn anh chị có được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Cưới xong chị về chung sống với anh T và gia đình anh T ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra to tiếng, cãi vã. Đến năm 2019 mâu thuẫn vợ

chồng trở lên trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn sinh sống và ly thân với anh T từ đó cho đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Nguyễn Đình T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Đình Gia B, sinh ngày 09/2/2018, cháu B hiện đang ở cùng với anh T tại thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Cháu thứ hai có tên thường gọi là Văn M1, sinh ngày 26/01/2020. Hiện nay cháu Văn M1 đang ở cùng chị tại thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Cháu Văn M1 hiện chưa có giấy khai sinh nên chỉ có tên thường gọi như vậy, vì cháu sinh ra vào thời điểm chị và anh T đang có mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống ly thân. Việc chị mang bầu sinh ra cháu Văn M1 thì chị cũng không thông báo cho anh T biết và do công việc bận rộn cũng như không liên lạc trao đổi được với anh T nên chị chưa làm thủ tục đăng ký Giấy khai sinh cho cháu M1 được. Nay, ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đề nghị giao cháu tên thường gọi Văn M1 cho chị trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Chị và anh T không có gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:* Anh và chị Vũ Thị M kết hôn với nhau ngày 09/10/2017, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra to tiếng cãi vã. Đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng nên chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn sinh sống và ly thân với anh từ đó cho đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn chị M.

Về con chung: Anh và chị M có con chung là cháu Nguyễn Đình Gia B, sinh ngày 09/02/2018. Hiện nay cháu B đang ở với anh, cháu B khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Sau khi chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ thì anh có biết là chị M mang bầu và sinh ra cháu thứ hai và có tên thường gọi là Văn M1, sinh ngày 26/01/2020. Việc chị M sinh đẻ và nuôi dưỡng cháu tên Văn M1 thì chị M không cho anh can thiệp và không thông tin gì lại cho anh về cháu bé cả, tuy nhiên đến anh cũng

không có ý kiến gì về việc này. Nay ly hôn, chị M đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đề nghị Tòa án giao cho chị M trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Văn M1 thì anh cũng nhất trí.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập được tài liệu, chứng cứ :*

Tại biên bản làm việc ngày 06/5/2024 với ông Nguyễn Xuân N là Trưởng thôn Liễu Nham, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ông N có cung cấp thông tin như sau: Anh Nguyễn Đình T là công dân sinh sống trên địa bàn của thôn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Anh T và chị M có kết hôn năm 2017, sau khi kết hôn chị M về chung sống với anh T và gia đình anh T ngay. Tại thời điểm cả hai chung sống với nhau ở địa phương thì có sinh được 01 người con trai. Được một thời gian thì ông không thấy chị M còn chung sống cùng với anh T nữa và thấy thông tin là cả hai vợ chồng đã ly thân, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị M ở Lạng Sơn sinh sống, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng chị M anh T và dẫn đến ly thân thì ông không nắm được cụ thể. Anh T hiện nay tuy là công dân đang sinh sống đăng ký hộ khẩu thường trú ở thôn nhưng thường xuyên phải đi làm ăn xa, từ lúc vợ chồng ly thân nhau thì con trai của anh chị vẫn ở cùng với ông bà nội, bố đi làm ở xa nhưng thì thoảng vẫn thường xuyên về thăm con phụ giúp ông bà việc nuôi dưỡng cháu bé. Nay, Tòa án tiến hành giải quyết việc ly hôn của anh T và chị M thì ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2024 của ông Nguyễn Đình L và bà Phí Thị N1 là bố mẹ của anh Nguyễn Đình T, ông L bà N1 trình bày như sau: Anh T, chị Mai s quá trình tìm hiểu nhau thì có quyết định đi đến kết hôn vào năm 2017, phía gia đình có tổ chức đám cưới cho anh T chị M, sau đó hai vợ chồng có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và về chung sống với nhau tại nhà của ông bà. Thời điểm chung sống thì có với nhau một người con trai tên là Nguyễn Đình Gia B, sinh ngày 09/02/2018. Đến năm 2019 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và dẫn đến ly thân, chị M bỏ đi khỏi nhà không chung sống cùng anh T và ông bà nữa, chị M đã về nhà bố mẹ đẻ chị M ở H, H, Lạng Sơn sinh sống. Mâu thuẫn cụ thể của hai vợ chồng thì ông bà không nắm được. Sau khi ly thân cho đến nay thì ông bà có nghe tin là khi chị M rời khỏi nhà thì có mang bầu và sinh ra cháu thứ hai, mọi thông tin về cháu bé thì ông bà cũng không nắm được. Thời điểm anh T, chị M kết hôn thì hai vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung. Nay anh T đang phải thường xuyên đi làm ăn xa nên cháu B thì vẫn đi học, ăn ở sinh hoạt cùng ông bà.

Tòa án thông báo đang giải quyết việc ly hôn của chị M và anh T thì ông bà có ý kiến là đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Là ông bà nội của cháu B và là người giúp anh T chăm sóc cháu B thì ông bà có ý kiến mong Tòa án giao con cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Còn về việc chị Mai s khi rời đi có mang bầu sinh ra cháu thứ hai thì ông bà có ý kiến để chị M tiếp tục là người nuôi dưỡng, chăm sóc cháu bé.

Tại biên bản xác minh ngày 02/8/2024 với chính quyền địa phương nơi chị M cư trú và biên bản làm việc với bà Hoàng Thị T1 (mẹ đẻ của chị M) có nội dung như sau:

Ông K trưởng thôn cho biết chị Vũ Thị M, sinh năm 1997 hiện đang là công dân cư trú tại địa phương. Ông có nắm được trước đây chị M đã lập gia đình, kết hôn ở tỉnh Bắc Giang nhưng được một thời gian thì lại thấy quay trở về sinh sống với bố mẹ đẻ tại địa phương. Chị M có bố là ông Vũ Văn U và mẹ là bà Hoàng Thị T1, năm 2019 khi quay về nhà bố mẹ đẻ thì có thấy mang bầu ở được một thời gian ngắn thì lại tiếp tục quay trở lại Bắc Giang để tiếp tục công việc của mình. Đến năm 2020 thấy chị M mang con về cho bố mẹ hỗ trợ nuôi dưỡng, kể từ đó đến nay cháu bé lớn lên tại địa phương cùng với ông U bà T1 chưa thấy bố của cháu bao giờ. Về con của chị M thì ông có nắm được thông tin là cháu sinh vào ngày 26/01/2020 cháu vẫn chưa có giấy khai sinh, khi ở nhà thường gọi tên là Văn M1, đang học mẫu giáo tại Trường mầm non xã H.

Bà Hoàng Thị T1 cho biết: chị M và anh T từ tìm hiểu và đi đến kết hôn chung sống với nhau cho đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, chị M ly thân không chung sống với anh T nữa và chuyển về ở cùng ông bà. Trước đây khi còn chung sống với anh T thì chị M có một người con là cháu Nguyễn Đình Gia B. Về sau có bầu và sinh ra thêm cháu M1 khi hai vợ chồng ly thân. Lúc chị M ly thân với chồng, xin ông bà cho ở cùng thì đang mang bầu cháu M1, ở được một thời gian thì lại tiếp tục đi làm ở Bắc Giang cho đến khi sinh con ra thì mang con về cho bố mẹ giúp đỡ nuôi dưỡng. Nay, Tòa án tiến hành giải quyết việc ly hôn của anh T và chị M thì bà nhận thấy cả hai đã ly thân lâu không thể hàn gắn được nên ông bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật cho cả hai được ly hôn. Về con chung bà có ý kiến là cho cháu M1 được tiếp tục ở cùng mẹ và ông bà ngoại, còn cháu B được tiếp tục ở với bố và ông bà nội.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Vũ Thị M và bị đơn anh Nguyễn Đình T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị M, anh T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS; Căn cứ các Điều 51, 53, 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình để xử:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Đình T

- Con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đình Gia B, sinh ngày 09/2/2018 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Văn M1 (tên thường gọi), sinh ngày 20/01/2020 cho chị Vũ Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị khắc phục: không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị M và anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ Thị M là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Đình T, anh T có nơi cư trú tại thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y,



tỉnh Bắc Giang vào ngày 09/10/2017 theo như Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 09/10/2017 do UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Đình T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị M về chung sống cùng anh T và gia đình anh T ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị M và anh T đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cả hai đã ly thân từ năm 2019. Nay, chị M và anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Anh T cũng nhất trí ly hôn chị M. Đồng thời phía địa phương và gia đình hai bên cũng xác nhận việc vợ chồng chị M anh T có xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Do vậy, chứng tỏ hôn nhân giữa chị M anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của chị M xin ly hôn anh T là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị M được ly hôn anh T.

[3.2]. Về con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng chị M anh T có con chung là cháu Nguyễn Đình Gia B, sinh ngày 09/02/2018.

Cháu Văn M1 (tên thường gọi), sinh ngày 26/01/2020, mặc dù sinh ra khi chị M ly thân và bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị M sinh sống. Việc chị M sinh đẻ và nuôi dưỡng cháu tên Văn M1 thì chị M không cho anh T can thiệp và không thông tin gì lại cho anh về cháu bé cả nhưng cháu vẫn sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa anh T và chị M nên căn cứ vào khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình, tại thời điểm này HĐXX xác định cháu tên thường gọi là Văn M1 là con chung của anh T chị M.

Hiện cháu B đang ở cùng bố là anh T, còn cháu tên thường gọi Văn M1 đang ở cùng mẹ là chị M. Nay ly hôn, chị M đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Văn M1 (tên thường gọi); C đề nghị giao cháu B cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T cũng nhất trí với ý kiến của chị M.

Xét thấy từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay thì cháu B vẫn đang ở cùng với bố, cháu M1 hiện đang ở cùng mẹ. Để phù hợp với nguyện vọng của cả hai bên và đảm bảo cuộc sống của các cháu được ổn định và phát triển tốt nhất về mặt thể chất

lẫn tinh thần thì cần chấp nhận yêu cầu của chị M anh T, giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đình Gia B và chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Văn M1 (tên thường gọi) là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi vợ chồng ly hôn, anh T và chị M đều được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

Trong trường hợp sau này phát sinh tranh chấp cho rằng cháu tên Văn M1 (tên thường gọi) không phải con chung của anh T thì căn cứ theo khoản 2 Điều 88, Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình một trong hai bên phải có đơn yêu cầu Tòa án xác định và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4]. Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Vũ Thị M là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, X:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Đình T.
2. *Về con chung:* Giao cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đình Gia B, sinh ngày 09/02/2018. Giao cho chị Vũ Thị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Văn M1 (tên thường gọi), sinh ngày 26/1/2020.

Chị M và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

3. *Về án phí:* Chị Vũ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005603 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Vũ Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Dung**



